

NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG CẤP TÍN DỤNG XANH TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ LOAN*
TRƯƠNG VŨ TUẤN TỬ**
LÊ THỊ TUYẾT HOA***
NGUYỄN VĂN TRIỆU PHONG****

Bài viết dựa trên nghiên cứu sử dụng lý thuyết về kiểm soát nội bộ của COSO để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tính hiệu lực trong kiểm soát cấp tín dụng xanh tại ngân hàng và khuyến nghị giải pháp nâng cao hoạt động kiểm soát cấp tín dụng xanh, từ đó góp phần phát triển hoạt động tín dụng xanh tại ngân hàng Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 190 lãnh đạo và nhân viên của 18 ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong khoảng thời gian tháng 4 - 10/2023. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA và ước lượng mô hình bằng phương pháp OLS cho thấy các nhân tố có ảnh hưởng cùng chiều và ảnh hưởng mạnh đến tính hiệu lực của hoạt động cấp tín dụng xanh tại ngân hàng thương mại Việt Nam lần lượt là Môi trường kiểm soát - Giám sát rủi ro - Thủ tục kiểm soát - Thông tin truyền thông.

Từ khóa: COSO 2013, kiểm soát nội bộ, tín dụng xanh, tính hiệu lực

Nhận bài ngày: 26/01/2024; *đưa vào biên tập:* 28/01/2024; *phản biện:* 01/02/2024; *duyet đăng:* 14/02/2024

1. DẪN NHẬP

Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường đang là một trong những mối

quan tâm đặc biệt trên toàn thế giới. Ngân hàng đóng vai trò then chốt trong sự phát triển kinh tế, đồng thời cũng là thể chế đảm nhiệm các hoạt động ngân hàng xanh (Rajesh & Dileep, 2014), có trách nhiệm hướng đến xã hội, môi trường tự nhiên, kiểm soát các hoạt động gây tổn hại đến môi trường theo các cam kết quốc gia

* Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

** Trường Đại học Đà Lạt.

*** Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

**** Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam.

và quốc tế. Sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường hội nhập toàn cầu và các yêu cầu về phát triển hoạt động ngân hàng xanh đòi hỏi hệ thống ngân hàng phải quan tâm nhiều hơn đến đến việc xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ (HTKSNB) hữu hiệu.

Hoạt động cấp tín dụng luôn là hoạt động chủ yếu tạo ra lợi nhuận tại ngân hàng thương mại (NHTM). Thông qua hoạt động tư vấn, thẩm định quyết định tín dụng, giám sát tín dụng, ngân hàng có thể thực hiện chuyển hóa hoạt động cấp tín dụng xanh từ bên trong thông qua các quy định nội bộ về tín dụng đến tư vấn, tài chính xanh thông qua cấp tín dụng đến từng đối tượng khách hàng, đến từng ngành nghề. Nghiên cứu vận dụng lý thuyết về ngân hàng xanh và kiểm soát nội bộ của The Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission (Ủy ban Chống gian lận khi lập Báo cáo tài chính - COSO) tác động đến tính hiệu lực của hoạt động cấp tín dụng xanh tại các NHTM Việt Nam. Từ đó gợi ý các chính sách có tính khả thi đối với NHTM, góp phần nâng cao tính hiệu lực kiểm soát hoạt động cấp tín dụng xanh tại ngân hàng.

2. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG XANH VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ HOẠT ĐỘNG CẤP TÍN DỤNG XANH

Ngân hàng xanh là một cách để phát triển kinh tế bền vững, là hình thức mà ngân hàng gia nhập vào mạng lưới xã hội và bảo vệ môi trường để có một nền kinh tế xanh không có sự

thay đổi khí hậu, không phá hủy hành tinh mà vẫn gia tăng thu nhập. Ngân hàng xanh là nỗ lực giữ cho môi trường xanh thông qua các hoạt động xanh và tài chính xanh (Rajesh & Dileep, 2014).

Tín dụng xanh khuyến khích các ngành công nghiệp thân thiện với môi trường và hạn chế các ngành gây tổn hại đến môi trường. Việc triển khai các chính sách tín dụng xanh sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, tái cấu trúc cơ cấu kinh tế, từ đó, đem lại lợi ích cho cộng đồng, doanh nghiệp và quốc gia. Các NHTM cần tiến hành tái cấu trúc và hoàn thiện chính sách tín dụng theo hướng xanh hóa các nghiệp vụ đang có và khuyến khích phát triển các nghiệp vụ tín dụng đầu tư vào các lĩnh vực năng lượng và tài nguyên có giá trị gia tăng cao (Nguyễn Ngọc Khánh Linh và cộng sự, 2021).

Theo N. Zhao, X.J. Xu (2012), tín dụng xanh là khoản cho vay mà các ngân hàng và các tổ chức tài chính khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các dự án thân thiện môi trường, giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng bằng các chính sách tín dụng.

Tính đến năm 2016, Việt Nam là một trong 11 quốc gia đưa ra các chính sách, hướng dẫn, nguyên tắc và định hướng quốc gia liên quan đến kinh doanh ngân hàng bền vững (Banglades, Brazil, China, Colombia, Indonesia, Kenya, Mongolia, Nigeria, Peru, Turkey và Vietnam). Năm 2012,

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) là một trong những tổ chức thành viên tham gia vào Mạng lưới ngân hàng bền vững (SBN - Sustainable Banking Network). SBN là cộng đồng các cơ quan quản lý lĩnh vực tài chính và hiệp hội ngân hàng ở các thị trường mới nổi cam kết thúc đẩy tài chính bền vững gắn với các thông lệ tốt của quốc tế.

Việt Nam bắt đầu có những quy định cụ thể liên quan đến phát triển xanh trong những năm gần đây, Chính phủ đã phê duyệt “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050” (Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012). Năm 2014, Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020 được ban hành nhằm nêu kế hoạch hành động trong tăng trưởng xanh (Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014). Thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh của Việt Nam, NHNN đã ban hành Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020 (Quyết định số 1552/QĐ-NHNN ngày 6/8/2015) và đặc biệt chú trọng đến tín dụng xanh thể hiện trong Chỉ thị 03/CT-NHNN ngày 24/3/2015 về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, các tổ chức tín dụng cần phải chủ động triển khai xây dựng chương trình, chính sách tín dụng

xanh nhằm tăng dần tỷ trọng tín dụng xanh trong cơ cấu danh mục đầu tư tín dụng của mình; xây dựng và triển khai các giải pháp quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Theo Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 7/8/2018 của NHNN, đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam có mục tiêu chính là nâng cao nhận thức và trách nhiệm xã hội của ngành ngân hàng trong việc bảo vệ môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu, dần xanh hóa các hoạt động ngân hàng, hướng dòng vốn tín dụng vào tài trợ cho các dự án thân thiện với môi trường, thúc đẩy các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và tiêu dùng xanh, năng lượng sạch và năng lượng tái tạo, nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

COSO là tổ chức nghiên cứu, thống nhất và công bố hệ thống kiểm soát nội bộ. Với sự thay đổi rất lớn của môi trường hoạt động kinh doanh trong hơn 20 năm qua, COSO đã ban hành Khuôn mẫu thống nhất về HTKSNB vào tháng 5 năm 2013, cập nhật và thay thế khuôn mẫu thống nhất về HTKSNB năm 1992, cho phù hợp với điều kiện môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp, công nghệ phát triển và toàn cầu hóa. Theo đó, “Kiểm soát nội bộ là một quá trình, chịu ảnh hưởng bởi hội đồng quản trị, người quản lý và các nhân viên của đơn vị, được thiết kế để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu về hoạt động hiệu quả, báo

cáo tin cậy và tuân thủ quy định” (COSO, 2013). Đối với hoạt động cấp tín dụng xanh, kiểm soát nội bộ phải đảm bảo mức độ tin cậy của các báo cáo trong hoạt động cấp tín dụng xanh và tuân thủ pháp luật, các chính sách, các quy định về cấp tín dụng xanh.

Theo khuôn mẫu lý thuyết về kiểm soát nội bộ (KSNB) trong báo cáo COSO 1992, HTKSNB gồm 5 thành phần (nhân tố): môi trường kiểm soát (MT), đánh giá rủi ro (DG), Cơ chế kiểm soát (CCKS), thông tin truyền thông (TT) và giám sát (GS). Mô hình KSNB theo khuôn mẫu COSO năm 2013 vẫn gồm 5 nhân tố trên, nhưng có bổ sung 17 nguyên tắc liên quan tới 5 nhân tố. HTKSNB có hữu hiệu hay không phụ thuộc kết quả hoạt động của 5 yếu tố của KSNB (COSO, 2013). Đây cũng chính là các nhân tố sẽ ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB nói chung và KSNB hoạt động tín dụng nói riêng.

Cùng quan điểm với COSO, Basel (1998) cho rằng HTKSNB hiệu quả là một thành phần quan trọng của quản trị ngân hàng (NH) và là nền tảng cho NH hoạt động an toàn, đảm bảo đạt mục tiêu đặt ra. Các nghiên cứu ở các quốc gia trên thế giới cũng đưa đến kết luận hệ thống KSNB hiệu quả sẽ ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và sai sót trong hoạt động ngân hàng (Olatunji, 2009; Salehi & Ehsanpour, 2013; Abiola & Oyewole 2013). Điều này cho thấy tầm quan trọng của hệ thống KSNB đối với hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Đã có các nghiên cứu quốc tế vận dụng lý thuyết của COSO đánh giá tính hữu hiệu của HTKSNB tại ngân hàng như nghiên cứu của Abdullah Barakat (2009) đánh giá 5 nhân tố cấu thành HTKSNB theo Basel II bao gồm tầm nhìn quản trị và văn hóa lãnh đạo; đánh giá rủi ro; hoạt động kiểm soát; thông tin và truyền thông; giám sát hoạt động và sửa chữa sai sót, phần lớn các nhân tố được đánh giá cao so với mức điểm trung bình...

Tại Việt Nam, nghiên cứu của Nguyễn Minh Phương (2014) phân tích một số yếu kém trong quy trình hoạt động KSNB đối với nghiệp vụ tín dụng của các NHTM. Một số nghiên cứu khác nghiên cứu về những lý thuyết liên quan đến KSNB trong NHTM theo tiêu chuẩn của Basel hoặc COSO (Ngô Thái Phượng và Lê Thị Thanh Ngân 2015, Võ Thị Hoàng Nhi 2015). Nguyễn Anh Phong và Hà Tôn Trung Hạnh (2010) xây dựng mô hình các yếu tố tác động đến hiệu quả của bộ phận KSNB các NHTM trên địa bàn TPHCM dựa trên 13 nguyên tắc về KSNB ngân hàng do Ủy ban Basel về giám sát NH ban hành. Nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Khánh Linh và cộng sự (2021) cho thấy khi triển khai tín dụng xanh có xem xét các yếu tố liên quan đến môi trường, chất lượng cuộc sống... sẽ làm gia tăng lợi ích xã hội; các dự án tín dụng xanh chỉ đặt mục tiêu lợi nhuận có thể sẽ làm giảm đi lợi ích về mặt xã hội của dự án. Nghiên cứu này cũng cho thấy, để thúc đẩy tính bền vững về môi trường,

các ngân hàng và tổ chức tài chính cần tuyên truyền đến khách hàng tín dụng xanh và lợi ích của tín dụng xanh.

Tuy nhiên, các nghiên cứu về KSNB hoạt động tín dụng xanh tại ngân hàng thương mại còn khá khiêm tốn, chủ yếu là các nghiên cứu về KSNB nói chung, chưa có nghiên cứu đánh giá cụ thể về các nhân tố tác động đến tính hữu hiệu của KSNB hoạt động tín dụng xanh tại ngân hàng.

3. MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng kết hợp đồng thời cả phương pháp khảo sát định tính và định lượng. Phương pháp định tính gồm thảo luận trực tiếp và thảo luận nhóm nhằm hiệu chỉnh các thang đo.

Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua bảng khảo sát trực tiếp. Mẫu khảo sát gồm 190 người là lãnh đạo và nhân viên liên quan trực tiếp hoạt động tín dụng và hỗ trợ hoạt động tín dụng tại NH Việt Nam. Số lượng ngân hàng trong nghiên cứu được chia thành 2 nhóm gồm NHTM nhà nước (NHTM NN) và NHTM cổ phần (NHTM CP). Cụ thể số lượng người tham gia khảo sát thuộc hai nhóm ngân hàng trên theo tỷ lệ NHTM NN chiếm 63,9%, NHTM CP chiếm 36,1%. Bảng câu hỏi khảo sát, bao gồm 30 mục hỏi được xây dựng dựa theo các nghiên cứu trước đây, dựa trên công cụ đánh giá tính hữu hiệu của KSNB theo báo cáo COSO 2013, các nguyên tắc của Basel và kết hợp

các quy định về HTKSNB tín dụng tại các NHTM Việt Nam. Thang đo Likert 5 mức độ được áp dụng cho toàn bộ nội dung chính để đánh giá mức độ hiệu lực trong KSNB về hoạt động cấp tín dụng xanh của bảng câu hỏi từ 1 – rất thấp, 2 – thấp, 3 – trung bình, 4 – cao và 5 – rất cao. Bên cạnh các câu hỏi đóng, bảng khảo sát có hai câu hỏi mở: Biện pháp nào NH cần thực hiện để nâng cao tính hiệu lực KSNB cấp tín dụng xanh và Biện pháp nào NH cần thực hiện để phát triển cấp tín dụng xanh.

Sau khi thu thập dữ liệu, nghiên cứu tiến hành đánh giá độ tin cậy thang đo thông qua công cụ Cronbach' alpha, phân tích thống kê mô tả, tương quan, hồi quy theo phương pháp bình phương bé nhất (OLS) và phân tích phương sai (ANOVA) với phần mềm SPSS 20.

Mô hình hồi quy bội mô tả mối quan hệ giữa các nhóm nhân tố (biến độc lập) đối với biến phụ thuộc được biểu diễn:

$$HUHI_i = \beta_0 + \beta_1 MTKS_i + \beta_2 DGRR_i + \beta_3 CCKS_i + \beta_4 TTKS_i + \beta_5 GSRR_i + \varepsilon$$

Trong đó: $HUHI_i$ là biến phụ thuộc (Tính hiệu lực của HTKSNB tín dụng xanh), và $MTKS$ (Môi trường kiểm soát), $DGRR$ (Đánh giá rủi ro), $CCKS$ (Cơ chế kiểm soát), $TTKS$ (Thông tin và truyền thông), $GSRR$ (Giám sát rủi ro) là các biến độc lập liên quan đến 5 nhân tố môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, cơ chế kiểm soát, thông tin truyền thông và giám sát trong lý thuyết của COSO.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Khái quát thực trạng tín dụng xanh tại các ngân hàng Việt Nam

Trên cơ sở môi trường pháp lý về ngân hàng xanh, hoạt động xanh của

NH bao gồm các hoạt động trong nội bộ NH (tiết kiệm giấy, năng lượng, sử dụng công nghệ), hoạt động cung cấp dịch vụ NH xanh đến khách hàng (tín dụng, tiền gửi, thanh toán...). Các NHTM Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động xanh liên quan (Bảng 1).

Bảng 1. Tóm tắt hoạt động ngân hàng xanh, tín dụng xanh tiêu biểu tại Việt Nam

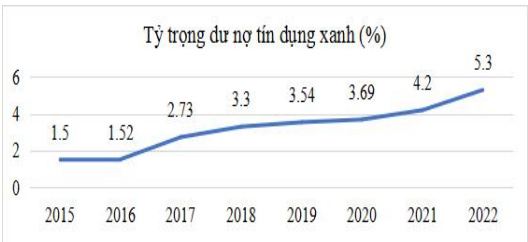
STT	Ngân hàng	Nội dung hoạt động NH xanh
1	NHTMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) NHTMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) NHTMCP Kỹ Thương (Techcombank)	- Ban hành chính sách quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng - Kế hoạch hành động về chiến lược tín dụng xanh - Cung cấp sản phẩm tín dụng xanh
2	NHTM CP Bưu điện Liên Việt (LiênVietPostBank)	- Chương trình “NH xanh” môi trường nội bộ: Xây dựng Văn phòng công sở xanh, Đổi giấy lấy cây xanh, Quầy giao dịch xanh vì nụ cười khách hàng - Chương trình “NH xanh” đối với môi trường bên ngoài: “Thứ Bảy Xanh”, “Thế hệ xanh”, “Không gian xanh – Vì nụ cười khách hàng”
3	NHTMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) NHTMCP Kỹ Thương (Techcombank) NHTMCP Sài Gòn (SCB)	Ký thỏa thuận hợp tác với Đại sứ quán Đan Mạch về hỗ trợ cho vay đối với doanh nghiệp sử dụng tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch.
4	NHTMCP Á Châu (ACB)	Cung cấp các khoản cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp từ Quỹ tín dụng xanh (Thụy Sĩ), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các dự án góp phần phát triển kinh tế, xã hội bền vững
6	Các NHTM Việt Nam	- Quy định về sản phẩm tín dụng, quy trình tín dụng, hệ thống xếp hạng khách hàng vay, hạn mức tín dụng, bảo đảm nợ vay, phân quyền kiểm soát tín dụng, chính sách khách hàng, chính sách lãi suất, chỉ tiêu kế hoạch dư nợ tín dụng, tỷ lệ nợ xấu, thu nhập lãi... - Hoạt động ngân hàng xanh từ cung cấp dịch vụ NH điện tử - Hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội

Nguồn: Tổng hợp từ quy định nội bộ của các NHTM.

Bảng 1 cho thấy các NHTM Việt Nam đã có những quy định liên quan đến hoạt động ngân hàng xanh, tín dụng xanh và triển khai các hoạt động này

có lồng ghép giữa mục tiêu hiệu quả kinh doanh và mục tiêu phát triển bền vững. Hoạt động xanh của NH rất rộng, nghiên cứu này chỉ nghiên cứu KSNB hoạt động cấp tín dụng xanh tại NH dựa vào các nhân tố ảnh hưởng đến HTKSNB của COSO.

Biểu đồ 1. Dư nợ tín dụng xanh tại Việt Nam



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Số liệu Biểu 1 cho thấy sau hơn 6 năm kể từ khi Chỉ thị 03 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được ban hành, tỷ trọng tăng trưởng tín dụng xanh tại Việt Nam đã có những dấu hiệu tích cực qua từng năm với tỷ trọng dư nợ cấp tín dụng xanh trong tổng dư nợ tín dụng có tăng trưởng tuy vẫn còn chiếm tỷ trọng nhỏ. Vì vậy làm thế nào để phát triển và kiểm soát hoạt động tín dụng xanh là điều cần được quan tâm.

4.2. Phân tích sự tác động của các nhân tố từ dữ liệu khảo sát

Thống kê dữ liệu khảo sát của nghiên cứu cho thấy, giá trị trung bình của các biến đều cao hơn mức 3 trong thang đo Likert 5 điểm (Bảng 2). Trong đó, thang đo TTKS được đánh giá cao nhất, với giá trị trung bình là 3,55. Thang đo MT với giá trị trung bình là 3,21 - là thang đo có giá trị trung bình thấp nhất trong các thang

đo của các biến độc lập. Đối với thang đo biến phụ thuộc, kết quả phân tích cho thấy mức đánh giá tương đối đồng đều giữa các biến quan sát với giá trị trung bình của thang đo là 3,33.

Bảng 2. Giá trị trung bình của thang đo

Biến	Trung bình
Môi trường kiểm soát (MT)	3,21
Đánh giá rủi ro (ĐGRR)	3,29
Cơ chế kiểm soát (CCKS)	3,55
Thông tin và truyền thông (TTKS)	3,31
Giám sát rủi ro (GSRR)	3,24
Tính hiệu lực hoạt động cấp tín dụng xanh (HUHI)	3,33

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát năm 2023.

Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Khi Cronbach's Alpha $\geq 0,6$ thì thang đo có thể chấp nhận được về mặt độ tin cậy (Nguyễn Đình Thọ, 2013). Về lý thuyết, Cronbach's Alpha càng cao càng tốt. Thông thường, độ tin cậy của một thang đo nên nằm trong khoảng từ 0,6 đến 0,9. Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo được thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 3. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Biến	Hệ số tương quan biến tổng thấp nhất	Hệ số Cronbach's Alpha
MTKS	0,688	0,928
ĐGRR	0,726	0,874
CCKS	0,630	0,911
TTKS	0,767	0,867
GSRR	0,646	0,881
HUHI	0,454	0,805

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát năm 2023.

Như vậy độ tin cậy của các thang đo đều có hệ số Cronbach' alpha nằm trong khoảng từ 0,805 đến 0,928, các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 cho thấy các thang đo đều đạt được độ tin cậy yêu cầu.

Phân tích nhân tố khám phá

Các thang đo sau khi được kiểm định độ tin cậy và đạt yêu cầu lần lượt được đưa vào phân tích nhân tố khám phá. Nghiên cứu sử dụng phương pháp rút trích Principal Axis Factoring

với phép xoay Promax. Kết quả cho thấy sau khi phân tích nhân tố đã rút trích được 5 nhân tố với phương sai trích đạt được là 49,7%. Hệ số KMO của kiểm định Bartlett bằng 0,929 và giá trị Sig của phép kiểm định = 0,000. Các hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0,4. Điều này cho thấy phân tích nhân tố là phù hợp. Kiểm định lại độ tin cậy của các thang đo sau khi phân tích nhân tố khám phá cho thấy đều đạt yêu cầu. Kết quả phân tích nhân tố như Bảng 4:

Bảng 4. Kết quả phân tích nhân tố khám phá

	Nhân tố				
Biến quan sát	1	2	3	4	5
MTKS1	0,798				
MTKS2	0,695				
MTKS3	0,968				
MTKS4	0,763				
MTKS5	0,737				
DGRR1		0,609			
DGRR2		0,823			
CCKS1			0,585		
CCKS2			0,947		
CCKS3			0,785		
CCKS5			0,643		
CCKS6			0,606		
TTKS1				0,894	
TTKS2				0,875	
GSRR1					0,712
GSRR2					0,744
GSRR3					0,706

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát năm 2023.

Sau khi phân tích nhân tố, các thang đo được đặt tên lại như sau:

Nhân tố 1 (Môi trường kiểm soát) bao gồm các biến: MTKS1, MTKS2, MTKS3, MTKS4, MTKS5

Nhân tố 2 (Đánh giá rủi ro) gồm các biến: DGRR1, DGRR2

Nhân tố 3 (Cơ chế kiểm soát) gồm các biến: CCKS1, CCKS2, CCKS3, CCKS5, CCKS6

Nhân tố 4 (Thông tin và truyền thông) bao gồm các biến: TTKS1, TTKS2

Nhân tố 5 (Giám sát) bao gồm các biến: GSRR1, GSRR2, GSRR3

Phân tích hồi quy

Nghiên cứu thực hiện phân tích hồi quy theo phương pháp OLS để xem xét mức độ tác động giữa các biến độc lập đến biến phụ thuộc. Kết quả phân tích hồi quy thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5. Kết quả phân tích hồi quy theo phương pháp OLS

Tên biến	Hệ số β	Hệ số $\beta_{\text{chuẩn hóa}}$	Giá trị P - value
Hằng số	0,362		0,059
MTKS	0,281	0,313	0,000
DGRR	0,047	0,050	0,475
CCKS	0,213	0,212	0,015
TTKS	0,091	0,109	0,075
GSRR	0,262	0,248	0,001
Giá trị Sig. của mô hình = 0,000 $R^2 = 79,8\%$ Hệ số Durbin-watson = 1,946 Hệ số VIF < 10			

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát năm 2023.

Bảng 5 cho thấy mô hình hồi quy có giá trị Sig. = 0,000 nhỏ hơn mức ý

nghĩa 5% nên mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê. Giá trị $R^2 = 79,8\%$ cho thấy các biến độc lập trong mô hình giải thích được 79,8% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Hệ số Durbin – watson = 1,946 gần bằng 2 và các hệ số VIF đều nhỏ hơn 10 nên mô hình hồi quy không xảy ra hiện tượng tự tương quan và đa cộng tuyến.

Phương trình hồi quy như sau:

$$HUHI = 0,362 + 0,281 \cdot MTKS + 0,047 \cdot DGRR + 0,213 \cdot CCKS + 0,0912 \cdot TTKS + 0,262 \cdot GSRR$$

Trong 5 biến độc lập, bốn biến GSRR, TTKS, MTKS và CCKS tác động lên biến HUHI ở mức ý nghĩa 5%. Riêng tác động của biến DGRR đến HUHI không có ý nghĩa thống kê. Như vậy mô hình hồi quy cho thấy bốn thành phần GSRR, TTKS, CCKS và MTKS đều tác động tích cực lên biến HUHI, trong đó tác động của biến MTKS là mạnh nhất thể hiện ở hệ số $\beta_{\text{chuẩn hóa}} = 0,313$ và kế đến là biến GSRR với $\beta_{\text{chuẩn hóa}} = 0,248$ và biến CCKS với $\beta_{\text{chuẩn hóa}} = 0,212$ và cuối cùng là TTKS với $\beta_{\text{chuẩn hóa}} = 0,109$.

Phân tích sự khác biệt

Kết quả hồi quy (Bảng 5) cho thấy bốn biến MTKS, CCKS, TTKS và GSRR đều tác động cùng chiều đến HUHI. Để đánh giá liệu sự tác động của các biến này có khác nhau theo loại hình ngân hàng hay không, nghiên cứu thực hiện kiểm định sự khác biệt thông qua thủ tục phân tích ANOVA.

Kết quả phân tích phương sai theo loại hình NH cho các biến MTKS,

CCKS, TTKS và GSRR có giá trị Sig. đều nhỏ hơn mức ý nghĩa 10% nên có thể kết luận rằng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về sự đánh giá nhân tố MTKS, CCKS, TTKS và GSRR giữa hai nhóm ngân hàng: NHTM NN và NHTM CP. Căn cứ vào giá trị trung bình có thể kết luận NHTM NN được đánh giá ở mức cao hơn về sự tác động của các thành phần này so với NHTM CP.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn các nhân tố (biến độc lập) như MTKS, CCKS, TTKS và GSRR (ngoại trừ DGRR) đều có ảnh hưởng đến (biến phụ thuộc) tính hiệu lực của hoạt động cấp tín dụng xanh tại NHTM Việt Nam.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy mức độ hiệu lực của các nhân tố KSNB đến hoạt động cấp tín dụng xanh tại các NHTM Việt Nam trong mẫu khảo sát chỉ ở mức trên trung bình từ 3,21 đến 3,55 (Bảng 2). Chi tiết kết quả khảo sát đánh giá về mức độ hiệu quả thực hiện tín dụng xanh (HUHI): Tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trên tổng dư nợ tín dụng ngày càng tăng được đánh giá thấp nhất với trung bình là 3,23 (so với điểm cao nhất là 5), NH có thường xuyên kiểm tra, đối chiếu theo kế hoạch và đột xuất các khoản tín dụng xanh đã cấp được đánh giá với mức trung bình là 3,43 điểm, Kiểm toán nội bộ/ bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ NH có kế hoạch cụ thể về kiểm toán hoạt động cấp tín dụng xanh được đánh giá thấp nhất, với mức trung bình là 3,04.

Dựa trên kết quả nghiên cứu và đúc kết các ý kiến trả lời từ khảo sát với 2 câu hỏi mở trong Bảng hỏi, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp như sau:

Về môi trường kiểm soát, lãnh đạo NH cần thể hiện sự quan tâm đến tín dụng xanh thông qua việc ban hành các văn bản cụ thể, rõ ràng, quy định lồng ghép kiểm soát hoạt động cấp tín dụng xanh trong chính sách tín dụng, quy trình tín dụng, hệ thống phân loại khách hàng cấp tín dụng xanh, chính sách khen thưởng đối với nhân viên tham gia cấp tín dụng xanh, thực hiện các lớp đào tạo và nhận thức về lợi ích của ngân hàng xanh và tín dụng xanh, chú trọng hơn vào các dự án vay có tác động tích cực đến môi trường.

Về giám sát rủi ro, ngân hàng cần chú trọng xây dựng danh mục và chế độ báo cáo thường xuyên và định kỳ liên quan đến cấp tín dụng xanh. Từ đó yêu cầu nhân viên thực hiện báo cáo đánh giá rủi ro trong hoạt động tín dụng xanh, báo cáo về các yếu kém trong quy trình tín dụng xanh và xử lý kịp thời các báo cáo bất thường. Lãnh đạo NH cần yêu cầu kiểm toán nội bộ/bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ có kế hoạch cụ thể về kiểm toán hoạt động chuyên đề về ngân hàng xanh và tín dụng xanh.

Về cơ chế kiểm soát, hệ thống đánh giá nhiệm vụ thực hiện của NH cần bổ sung các chỉ tiêu đánh giá kế hoạch thực hiện cấp tín dụng xanh đi kèm với chính sách lương thưởng. NH cần nâng cao tính hiệu lực của quy định

về xếp hạng tín dụng nội bộ với mục tiêu sử dụng quy định này trong xem xét quyết định tín dụng, ưu đãi tín dụng xanh, phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro có chú ý đến tín dụng xanh.

Về thông tin và truyền thông, ngân hàng cần đa dạng các hình thức truyền thông thông tin về ngân hàng xanh và tín dụng xanh đến nhân viên và khách hàng bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao ý thức về tầm quan trọng như là một trong những chiến lược của ngân hàng xanh góp phần giúp NH phát triển bền vững. Các quy định, chính sách tín dụng xanh nội bộ cần được thông tin, truyền thông đến nhân viên; không nên chỉ dừng lại dưới dạng văn bản mà cần được thiết kế nhiều hơn dưới dạng lưu đồ phân quyền kiểm soát tín dụng, mô tả dưới dạng bảng câu hỏi và trả lời rõ ràng, cụ thể. Thông tin truyền thông cảnh báo rủi ro tín dụng xanh đến lãnh đạo và nhân viên cần được duy trì từ trên xuống và báo cáo từ dưới lên thường xuyên.

Về đánh giá rủi ro, tuy kết quả mô hình về nhân tố đánh giá rủi ro không

có ý nghĩa thống kê nhưng kết quả khảo sát cũng cho thấy NH cần lưu ý thông tin cảnh báo rủi ro khi có sự thay đổi bất lợi trong môi trường kinh doanh, hoạt động tín dụng xanh, xây dựng tiêu chí báo cáo và yêu cầu báo cáo cảnh báo sớm nợ vay có vấn đề, nợ vay có tác động xấu đến môi trường sinh thái, thiên nhiên.

Phân tích nhân tố bị giới hạn số lượng 190 trường hợp từ lãnh đạo và nhân viên của 18 NHTM tại Việt Nam nên ý nghĩa thống kê và độ tin cậy của một số nhân tố tác động đến tính hiệu lực KSNB hoạt động cấp tín dụng xanh tại các NHTM còn có những hạn chế. Nghiên cứu tạo tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo trong việc mở rộng số lượng mẫu nhằm tăng mức ý nghĩa và độ tin cậy của mô hình nghiên cứu. Một số đề xuất để nâng cao tính hiệu lực KSNB hoạt động cấp tín dụng xanh tại các NHTM trong phạm vi nghiên cứu này có liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến KSNB theo mô hình của COSO, Basel; điều này cũng tạo tiền đề để mở rộng hướng đề xuất cho các nghiên cứu tiếp theo. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Abiola, I. & Oyewole, A.T. 2013, "Internal Control System on Fraud Detection: Nigeria Experience". *Journal of Accounting and Finance*, vol. 13, no. 5, pp. 141-152. <http://www.na-businesspress.com/>, [27 Jan 2016].
2. Barakat, Abdullah. 2009. "Banks Basel II Norms Requirement Regarding Internal Control – Field Study on Jordan Banks". *Delhi Business Review*, vol. 10, no. 2, pp. 35-48. <http://delhibusinessreview.org/> [25 Jan 2016].
3. Basel. 1998. *Framework for Internal Control Systems in banking organization*.

4. COSO. 2013. *Internal Control – Integrated Framework: Executive Summary*.
5. Hiệp hội Thị trường tín dụng Châu Á - Thái Bình Dương. 2018. *Nguyên tắc tín dụng xanh*.
6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2015. Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020.
7. Ngân hàng nhà nước. 2015, 2022. *Báo cáo tổng kết* (từ năm 2015 đến năm 2022). Hà Nội.
8. Ngô Thái Phụng, Lê Thị Thanh Ngân. 2015. “Khuôn khổ HTKSNB theo tiêu chuẩn Basel”. *Thị trường Tài chính Tiền tệ*, số 5, tr. 18-21.
9. Nguyễn Anh Phong, Hà Tôn Trung Hạnh. 2010. “Nâng cao hiệu quả hoạt động KSNB ở các NHTMCP trên địa bàn TPHCM”. *Phát triển Kinh tế*, số 240, tr. 41-48.
10. Nguyễn Đình Thọ. 2013. *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. TPHCM: Nxb. Lao động - Xã hội.
11. Nguyễn Minh Phương. 2014. “Một số yếu kém trong quy trình KSNB hoạt động tín dụng của các NHTM và khuyến nghị”. *Tạp chí Ngân hàng*, số 6, tr. 26-30.
12. Nguyễn Ngọc Khánh Linh, Đinh Thị Hà và Đặng Thị Minh Nguyệt. 2021. “Đo lường lợi ích kinh tế - xã hội của triển khai tín dụng xanh - nghiên cứu thực nghiệm tại các ngân hàng thương mại Việt Nam”. *Tạp chí Công Thương*, số 28, tr. 7-15.
13. Olatunji, Olaoye Clement. 2009. “Impact of Internal Control System in Banking Sector in Nigeria”. *Pakistan Journal of Social Sciences*, Vol. 6, Issue: 4, pp. 181-189.
14. Rajesh, T. & A.S. Deleep. 2014. “Role of Banks in Sustainable Economic Development Through Green Banking”. *International Journal of Current Research and Academic Review*, ISSN: 2347-3215, vol. 2, no. 12 (December 2014), pp.136-141.
15. Salehi, M., Shiri, M.M., & Ehsanpour, F. 2013. “Effectiveness of Internal Control in the Banking Sector: Evidence from Bank Mellat, Iran”. *IUP Journal of Bank Management*, vol. 12, no. 1, pp. 23-34. <http://search.proquest.com/>, [22 Jan 2016].
16. Thủ tướng Chính phủ. 2012. Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/09/2012 “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050”.
17. Thủ tướng Chính phủ. 2014. Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020.
18. Võ Thị Hoàng Nhi. 2015. “Xây dựng mô hình KSNB hiệu quả, hiệu lực tại NHTM theo mô hình Coso 2013”. *Thị trường Tài chính Tiền tệ*, số 8, tr. 38-43.
19. Zhao, N., & Xu, X.J. 2012. “Ananalysis on Green Credit in China”. *Advances in Applied Economics and Finance (AAEF)*, 3 (2), pp. 31-41.